

TRƯƠNG THÚY TRINH\*

## CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH QUYỀN CHÚA NGUYỄN ĐỐI VỚI TAM GIÁO Ở ĐÀNG TRONG (1558 - 1777)

**Tóm tắt:** Tam giáo có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt, tuy nhiên truyền thống này có những điểm khác biệt khi nó theo chân các lưu dân người Việt đến sinh sống ở vùng đất Đàng Trong. Xuất phát từ nhu cầu củng cố quyền lực, thích nghi với điều kiện chính trị - xã hội, văn hóa - tôn giáo ở Đàng Trong, song song với việc duy trì truyền thống dung hòa tam giáo, chính quyền chúa Nguyễn có những điều chỉnh trong chính sách đối với tam giáo. Trên cơ sở hệ thống hoá một số nét chính trong chính sách của chính quyền chúa Nguyễn đối với tam giáo, bài viết đưa ra một số nhận định đánh giá bước đầu về những đặc điểm của chính sách chính quyền chúa Nguyễn đối với tam giáo ở Đàng Trong giai đoạn 1558 - 1777. Qua đó, góp phần làm rõ một số khía cạnh về đời sống sinh hoạt tam giáo của cộng đồng lưu dân Việt trong công cuộc Nam tiến của dân tộc thế kỷ XVI - XVIII.

**Từ khóa:** Chính sách tôn giáo; Tam giáo; Chúa Nguyễn; Đàng Trong; Thế kỷ XVI - XVIII, Việt Nam.

### Đặt vấn đề

Tam giáo (Nho - Phật - Đạo) được truyền vào nước ta ở những thời điểm khác nhau khoảng từ thế kỷ II - III. Trong quá trình du nhập và phát triển, ba tôn giáo này từ chỗ xung đột đã tìm cách tồn tại dung hòa tạo nên truyền thống tam giáo phổ biến trong đời sống xã hội Đại Việt [Trần Nghĩa, 2010: 23-30]. Trong đó, tâm thức hỗn dung, thờ cúng đa thần của người Việt là môi trường thuận lợi để tam giáo phát triển, trở thành nhu cầu tinh thần và thực hành tôn giáo của mọi thành phần xã hội.

---

\* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
Ngày nhận bài: 24/08/2023; Ngày biên tập: 6/11/2023; Duyệt đăng: 12/11/2023.

Sự hoà nhập, đan xen của *tam giáo* với các thực hành tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống thường ngày được Léopold Cadière chỉ ra như sau: “Việc tôn kính đa thần của người Việt tạo thành một sự pha trộn thờ kính rất đa dạng: thờ ông bà tổ tiên hay vong linh của họ. Nơi thờ tự chính là từ đường, cũng có thể đơn giản là một bàn thờ đặt ngay trong nhà ở; thờ Phật thì ở chùa; thờ thần và các quỉ ma thì ở đình hay am miếu; các lễ nghi tà thuật Lão giáo thì ở đền; Khổng tử được thờ ở Văn miếu; thờ trời đất thì lập đàn có tường bao quanh; vua đang tại ngôi thì được bái thờ ở bái đình dựng lên ở mỗi tỉnh v.v...” [Léopold Cadière, 2010: 44 - 45].

Thế kỷ XV, chế độ phong kiến bước vào thời kỳ phát triển cực thịnh, nhà Lê lấy Nho giáo là hệ tư tưởng chính thống, trong luật pháp có các quy định nhằm vào một số hình thức thực hành của Phật, Đạo, khiến cho hai tôn giáo này bị đẩy xuống hàng thứ yếu. Tuy nhiên, xét về mối quan hệ tương quan, tam giáo (*Nho, Phật, Đạo*) luôn là một chỉnh thể không thể tách rời, giữ vai trò quan trọng trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt.

Đáng chú ý, dưới thời chúa Nguyễn, những dòng người Việt từ các tỉnh phía Bắc từng bước di cư, sinh sống tại các vùng đất thuộc Đàng Trong. Để thích nghi với môi trường sống mới, lưu dân Việt có xu hướng *dung nạp* truyền thống tam giáo sẵn có với truyền thống tín ngưỡng của các cư dân nơi đây, tiêu biểu là tín ngưỡng thờ Mẫu *Pô Yang Inư* (người Chăm), thờ *Neak Tà* (người Khmer), tục thờ *Thiên Phi, Quan Công* (người Hoa) v.v... Điều này tạo ra những thay đổi quan trọng trong mô thức tam giáo của người Việt ở Đàng Trong, đó là sự kết hợp giữa tam giáo *Nho - Phật - Đạo* với các tín ngưỡng *Việt - Hoa - Chăm - Khmer* [Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 2011: 205].

Đối với chính quyền chúa Nguyễn, xuất phát từ nhu cầu củng cố quyền lực, đặc biệt là đẩy nhanh quá trình *tái cố kết* của cộng đồng lưu dân Việt trên các vùng đất mới, bên cạnh việc đề cao sự duy trì các truyền thống tam giáo, đồng thời, các chúa Nguyễn có chính sách điều chỉnh để truyền thống này phù hợp với bối cảnh văn hoá - xã hội ở Đàng Trong, điều đó, góp phần tạo nên một diện mạo mới cho truyền thống tam giáo của người Việt trên vùng đất Đàng Trong.

Trên cơ sở hệ thống hoá một số nội dung chính trong chính sách của chính quyền chúa Nguyễn đối với tam giáo, bài viết bước đầu đưa ra một số nhận định, đánh giá về đặc điểm của chính sách chính quyền chúa Nguyễn đối với tam giáo ở Đàng Trong giai đoạn 1558 - 1777. Với mục đích, góp phần làm rõ một số khía cạnh về đời sống sinh hoạt tam giáo của cộng đồng lưu dân Việt trong công cuộc Nam tiến hồi thế kỷ XVI - XVIII.

### **1. Chủ trương, chính sách của các chúa Nguyễn đối với tam giáo**

Về cơ bản, các chúa Nguyễn tiếp tục *duy trì truyền thống tam giáo*, đồng thời chú trọng *dung hoà tôn giáo* giữa truyền thống của người Việt với truyền thống của các cộng đồng bản địa. Tinh thần này thể hiện qua một số chủ trương, chính sách, sự kiện sau đây:

Theo *Đại Nam thực lục*, ngay từ những năm đầu, Nguyễn Hoàng đã sớm nhìn thấy sức mạnh của Phật giáo trong việc “võ về quân dân” [Quốc sử Quán triều Nguyễn, 2004: 28], ông cho xây dựng chùa chiền ở khắp nơi, song hầu như chưa tìm thấy nguồn tư liệu ghi chép quan điểm, chủ trương của chính quyền chúa Nguyễn về tam giáo. Căn cứ nội dung *truyền thuyết dựng chùa Thiên Mụ* (1601) được Bảng trung hầu Nguyễn Khoa Chiêm ghi lại, bên cạnh việc ưu tiên phát triển Phật giáo các chúa Nguyễn vẫn *duy trì truyền thống tam giáo* trên tinh thần *dung hoà tôn giáo*, cụ thể như sau:

“Một hôm chúa đi du ngoạn đến xã Hà Khê, thấy giữa chốn đồng bằng nổi lên một gò cao, dân địa phương cho biết đây là núi thiêng gắn với truyền thuyết: “có một người đàn bà sắc thể trông còn trẻ nhưng mày tóc bạc phơ, mình vận áo đỏ quần xanh ngồi dưới chân núi kêu gào than vãn, rồi cất tiếng nói to: “Đời sau nếu có bậc quốc chủ muốn bồi đắp mạch núi để làm sạch cho Nam triều thì nên lập chùa thờ Phật, cầu thỉnh linh khí trở về nơi núi này để phúc dân giúp nước, tất không có gì phải lo’... Dân trong vùng ghi nhớ... đặt tên núi là Thiên Mụ...”. Sau đó, Nguyễn Hoàng sai người dựng chùa thờ Phật, có biển đề “Thiên Mụ tự”, dân trong vùng cầu khẩn đều thấy linh nghiệm [Nguyễn Khoa Chiêm, 2016: 74 - 75].

Theo *Ô châu Cận lục*, trước khi Nguyễn Hoàng xây chùa Thiên Mụ trên ngọn đồi Hà Khê, nơi đây từng là một phế tích tôn giáo của người Chăm. Ngay từ rất sớm, Nguyễn Hoàng có ý định biến nơi đây thành trung tâm Phật giáo nhằm quy tụ nhân tâm, tạo dựng bệ đỡ vững chắc cho chính quyền ở Đàng Trong. Tuy nhiên, việc xây chùa được phủ lên một màu sắc huyền bí, trong đó vừa có tính mẫu hệ (*Thiên Mụ*) gần gũi với truyền thống tín ngưỡng bản địa (Chăm) vừa mang tính hỗn dung *tam giáo*. Xét bối cảnh chính quyền chúa Nguyễn trong buổi đầu thiết lập quyền lực, việc lan truyền một truyền thuyết huyền bí với tính hỗn dung tôn giáo có tác dụng hóa giải những khác biệt về tôn giáo - văn hóa giữa cộng đồng người Việt với các cộng đồng tại chỗ, đặc biệt là người Chăm.

Sau Nguyễn Hoàng, các chủ trương, quan điểm của chính quyền chúa Nguyễn về tư tưởng đề cao *tam giáo* ngày càng được thể hiện rõ nét qua một số nguồn tư liệu văn khắc Phật giáo thời kỳ này.

Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648 - 1687), chùa *Thiên Tôn* được xây dựng, đây vừa là chùa "*Quan tự*" vừa là một Đạo quán. Trong số các đồ thờ được ban tặng hiện vẫn còn lưu giữ hai cặp câu đối (trên bốn cột chính của chùa) thể hiện rõ quan điểm của các chúa Nguyễn đối với truyền thống "*tam giáo đồng tông*" như sau:

*Bây giờ kính tới điện của năm tộc tôn thân  
Chính khí Ngọc hoàng làm linh thiêng sắc sảo hơn  
Án quang Thượng đế làm bảo điện nghiêm trang hơn  
Chiếu chỉ sắc vua tam giáo cùng một gốc mà ra.*

[Lê Bá Vương, 2020: 241-149]

Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), tư tưởng "tôn sùng" tam giáo tiếp tục được khẳng định trong bài minh bia "*Ngự kiến chùa Thiên Mụ*" sau khi đại trùng tu chùa Thiên Mụ (1715), như sau:

*Nước nhà bình trị lâu ngày,  
Cõi bờ lặng lẽ cỏ cây u nhàn.  
Vô vi cảm hóa chứa chan,  
Rừng Nho cửa Thích cùng ngang tôn sùng.*

[Lê Bá Vương, 2020: 266]

Song song với chủ trương *đề cao truyền thống tam giáo*, các chúa Nguyễn đặc biệt chú trọng chính sách *dung hoà tôn giáo*. Mặc dù không tìm thấy văn bản cụ thể, song *chính sách dung hoà tôn giáo* được thể hiện rõ qua hoạt động sắc phong thần kỳ thời này. Chính quyền chúa Nguyễn phong thần cho cả hệ thống thần linh của người Việt và cả thần linh của người Chăm, người Khmer và người Hoa. Để tiến hành *Việt hoá* đối với các vị thần này, chính quyền chúa Nguyễn cho xây dựng đền thờ, ban sắc phong thần kỳ, tiêu biểu là: *Thiên Y A Na* trên cơ sở *Mẹ xứ sở Pô Yang Inur* của người Chăm; *Thiên Phi, Quan Công* là hai vị thần phổ biến của người Hoa; *Neak Tà* là vị thổ thần phổ biến của người Khmer...

Đáng chú ý, hoạt động sắc phong là một sự công nhận chính thức của chính quyền đối với hệ thống thần linh nơi đây, chúng dần trở thành những nhân tố mới bổ sung vào hệ thống thờ cúng tam giáo của người Việt ở Đàng Trong. Càng tiến về phương Nam, hệ thống thờ cúng tam giáo của người Việt càng trở nên phong phú với sự góp mặt của các vị thần của người Hoa, người Chăm và người Khmer.

Như vậy, trên cơ sở *đề cao tam giáo* song song với việc chú trọng *dung hoà tôn giáo* giữa cộng đồng người Việt với các cộng đồng sinh sống trên vùng đất Đàng Trong, nó đã tạo ra những thay đổi quan trọng trong hệ thống thần linh và mô thức tôn giáo của người Việt ở Đàng Trong. Đặc biệt, nó mang lại cho truyền thống tam giáo của người Việt ở Đàng Trong một diện mạo mới, đó là sự kết hợp giữa truyền thống tam giáo của người Việt với các yếu tố tín ngưỡng Việt - Hoa - Chăm - Khmer [Nguyễn Hữu Tiến, 2015]. Những đặc điểm này sẽ được chúng tôi trình bày rõ hơn ở các phần viết sau.

## **2. Ứng xử của chính quyền chúa Nguyễn đối với tam giáo ở Đàng Trong**

### **2.1. Tiếp tục bảo lưu truyền thống tam giáo đồng nguyên**

Trong những buổi đầu khai hoang lập ấp, tam giáo tiếp tục là chỗ dựa tinh thần quan trọng cho chính quyền và người dân, đặc biệt nó góp phần thúc đẩy nhanh là trong quá trình tái cố kết cộng đồng trên vùng đất mới. Do đó, truyền thống tam giáo tiếp tục được chính quyền chúa Nguyễn đề cao, duy trì. Điều này thể hiện qua hệ thống tượng

thờ, kiến trúc, hoành phi, câu đối... tại các cơ sở thờ tự tam giáo ở Đàng Trong thời kỳ này.

*Chùa Kim Sơn* (Khánh Hòa): Không rõ dựng năm nào, năm 1740 chúa Nguyễn Phúc Khoát ban biển ngạch cho chùa có khắc chữ “Canh thân niên nguyệt tạo” và khắc hình ấn vuông chữ triện có bốn chữ “*Nghiệp Quảng Duy Cần*” (*Trong Kinh thư, có nghĩa là muốn mở rộng cơ nghiệp thì phải siêng năng*) [Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997b: 11];

*Chùa Kính Thiên* hay *Hoàng Phúc* (Quảng Bình): Do chúa Nguyễn Hoàng xây dựng, dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu trùng tu, tặng đồ thờ và năm cặp đối liễn. Trong đó có cặp đối liễn nhắc đến tư tưởng “vô vi” trong Đạo giáo: “Huyền ảo kính vu không đường, thâm nghiêm vạn tượng; Xán tâm đặng vu tính địa, diệu chứng vô vi” (*Nhà không khoáng treo gương quý, muôn tượng giăng bày chỗ tính linh rạng đèn lòng, vô vi mẫu nhiệm*) [Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997a: 63]. Đặc biệt, chùa còn lưu giữ bộ tượng cổ gồm Phật Thích Ca, Bồ tát Địa Tạng và bộ ba tượng Đạo giáo là Ngọc Hoàng - Nam Tào - Bắc Đẩu có kỹ thuật tạo tác, hình dáng, phong cách, trang phục và bố trí đồ tượng mang phong cách tam giáo của các ngôi chùa miền Bắc thời Hậu Lê [Nguyễn Hữu Thông, Lê Thọ Quốc, 2019: 240-248].

*Chùa Cảnh Tiên* (Quảng Bình): Theo *Đại Nam nhất thống chí*, chùa do khai quốc công thần Nguyễn Hữu Dật dựng (khoảng giữa thế kỷ XVII). Ông giữ chức Chương dinh trấn giữ biên ải gắn bó với vùng đất này nhiều năm, sau khi cuộc chiến kết thúc ông phát tâm dựng chùa. Trong chùa còn giữ tấm bia được cho là dựng dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, trên trán bia vẫn còn dòng chữ “*Sắc tứ Cảnh Tiên tự bi*” (敕賜境僊寺碑) [Võ Vinh Quang, 2019: 258-267]. Chùa là nơi thờ Phật, song “tiên cảnh” lại thuộc Đạo giáo. Bản thân Nguyễn Hữu Dật am hiểu Đạo giáo và giỏi thuật chiêm tinh. Rất có thể, trong quá trình dựng chùa, các yếu tố Đạo giáo đã được Nguyễn Hữu Dật đưa vào hệ thống thờ tự, kiến trúc của chùa, mà nay những dấu tích này đã bị chiến tranh tàn phá.

Ngoài ra, phổ biến ở nhiều ngôi chùa có ban thờ các vị thần tam giáo như: chùa *Thiên Mục* (Huế) thờ Thiên Tôn (Ngọc hoàng), chùa *Hoàng Phúc* (Quảng Bình) có hệ thống tượng thờ tam giáo, chùa *Hải Tạng* (Quảng Nam) thờ Tam thánh (Quan Công, Quan Bình, Châu Thương) là các vị thần trong Đạo giáo [Trương Thúy Trinh, 2022]. Một số ý kiến cho rằng, hiện tượng thờ tam giáo đặc biệt phổ biến ở các ngôi chùa cổ vùng Thuận Hóa. Trong quá trình xây chùa, lập làng thời kỳ đầu, lưu dân Việt có xu hướng sao chép hình mẫu các ngôi chùa Đàng Ngoài. Do đó, tại các ngôi chùa cổ lưu giữ được nhiều nét truyền thống, đặc biệt là hệ thống tượng thờ tam giáo theo phong cách của các ngôi chùa Việt ở Đàng Ngoài.

## ***2.2. Thực hành tam giáo theo hướng có lợi cho chính quyền chúa Nguyễn***

*Từ góc độ chính trị:* Đứng trước sự suy yếu của triều đình Lê sơ, đặc biệt là sự lũng đoạn của chúa Trịnh, các chúa Nguyễn buộc phải dựng lên chính quyền cát cứ ở Đàng Trong. Mặc dù luôn giương cao ngọn cờ *phò Lê* thể hiện tinh thần *trung quân* song lúc này hệ tư tưởng Nho giáo đã không còn phù hợp, thay vào đó các chúa Nguyễn lựa chọn Phật giáo làm bộ đỡ chính trị cho chính quyền ở Đàng Trong.

*Từ góc độ văn hóa - xã hội:* Khác với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài dựa vào nhà Lê thiết lập quyền lực trên nền tảng xã hội truyền thống với thành phần dân cư thuần Việt, các chúa Nguyễn thiết lập quyền lực trên vùng đất mới có những khác biệt lớn về thành phần cư dân, truyền thống văn hóa - tôn giáo. Chỉ một bộ phận trong xã hội là lưu dân Việt, bộ phận còn lại cư dân bản địa (*Chăm, Khmer*) và người *Hoa* (*Minh Hương*), việc chính quyền đề ra các giải pháp phù hợp trong chính sách tôn giáo nói chung và tam giáo nói riêng là điều tất yếu.

Trên cơ sở đó, các chúa Nguyễn một mặt duy trì truyền thống tam giáo, mặt khác điều chỉnh nó theo hướng có lợi cho chính quyền, mỗi tôn giáo được khai thác ở các khía cạnh khác nhau. Trước hết, Phật giáo được đặc biệt đề cao. Chính quyền tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển về nhiều mặt: xây dựng cơ sở thờ tự; mua, khắc in kinh sách; chấn chỉnh quản lý tăng đoàn; tổ chức hoàng pháp phổ biến giáo

lý, chấn hưng Phật pháp. Nhờ đó sinh hoạt Phật giáo có nhiều khởi sắc, phổ biến từ giới hoàng cung, quan lại cho đến các tầng lớp nhân dân [Trương Thúy Trinh, 2018b: 12-30].

Cùng thời điểm đó, nhà Lê (Đàng Ngoài) cũng mời các tăng sỹ Trung Hoa sang hoàng pháp tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển, tuy nhiên với chính sách độc tôn Nho giáo của nhà Lê, Phật giáo luôn giữ vị trí thứ yếu. Trong khi ở Đàng Trong, Phật giáo được tạo điều kiện về mọi mặt, đặc biệt chính quyền chúa Nguyễn lựa chọn Phật giáo làm bộ đỡ chính trị đã góp phần củng cố vị trí của Phật giáo để nó trở thành tôn giáo chủ lưu có ảnh hưởng sâu sắc đối với đời sống xã hội.

Đối với Nho giáo, có nhiều lý do khiến cho Nho giáo không được đề cao trong xã hội Đàng Trong. Trước hết, tư tưởng *Trung quân* của Nho giáo đi ngược lại xu hướng chính trị của chính quyền chúa Nguyễn. Nho giáo khá xa lạ đối với các cộng đồng Ấn Độ hóa (*Chăm, Khmer*), nó cũng không phải là tôn giáo gần gũi với giới bình dân. Đặc biệt, nằm trong chủ trương phát triển Phật giáo, chính quyền chúa Nguyễn nuôi tham vọng xây dựng cộng đồng Phật giáo từ giới hoàng cung đến thân dân, hầu như các nguyên lý đạo đức Nho giáo ít được nhắc đến ngoài một vài lần chúa Nguyễn xuống chiếu nhắc nhở dân chúng về đạo *Nghiêu Thuấn*. Các đạo lý về *Trung, Hiếu* giữ vai trò *nền tảng luân lý* ở xã hội Đàng Ngoài dường như đã được thay thế bằng các luân lý, đạo đức Phật giáo đối với xã hội Đàng Trong.

Về cơ sở thờ tự: Số liệu tổng hợp từ *Đại Nam thực lục* và *Đại Nam nhất thống chí* cho thấy, các chúa Nguyễn cho xây dựng hàng trăm ngôi chùa thờ Phật, trong khi cả Đàng Trong chỉ có hai văn miếu thờ Khổng tử. Văn miếu đầu tiên ở xã Triều Sơn được lập từ đầu bản triều, sửa sang dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1692), sau đột nát dời về Long Hồ thời chúa Nguyễn Phúc Thuần (1770). Văn miếu thứ hai mãi đến 1715 chúa Nguyễn Phúc Chu mới cho dựng ở Trấn Biên trong quá trình Nam tiến. Ngoài các ghi chép về việc xây dựng, tu sửa văn miếu do đột nát, hầu như không tìm thấy các ghi chép về tình hình thực hành, quy mô thờ cúng tại đây.

Tuy nhiên, hoạt động nổi bật của Nho giáo thời kỳ này là khoa cử. Tổng hợp số liệu từ *Đại Nam thực lục* cho thấy, trong hơn 200 năm chính quyền mở được 22 khoa thi, khoa thi đầu tiên dưới thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1627), khoa thi cuối cùng dưới thời chúa Nguyễn Phúc Thuần (1768). Bắt đầu thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên đặt *định lệ chín năm mở khoa thi một lần*, năm 1660 Nguyễn Phúc Tần bắt đầu mở *thi Hội*, năm 1695 Nguyễn Phúc Chu đặt định lệ thi *văn chức* tức là *thi Đình*. Để kịp thời đáp ứng nhu cầu tuyển chọn quan lại do tình trạng thiếu nguồn nhân lực trầm trọng, khoa cử Đàng Trong không quá chú trọng về mặt nội dung. Các khoa thi tuyển chọn hai hạng *Chính đồ* và *Văn hoa*, song có tới bốn lần chính quyền phải tổ chức *thi nhiều*, mục đích chủ yếu tìm người biết chữ tham gia vào bộ máy hành chính.

Đối với Đạo giáo, trong bộ máy chính quyền có *Ty Huyền pháp*, *Ty Tứ quý* chuyên trách các hoạt động của Đạo giáo, chưa tìm thấy các dấu tích của Đạo quán. Nhà nghiên cứu Onishi Kazuhiko cho rằng, nhiều ngôi chùa ở Đàng Trong thời kỳ này kiêm chức năng của Đạo quán, do đó, phần lớn các thực hành Đạo giáo diễn ra ở các ngôi chùa tam giáo do tăng sư hoặc quan lại đảm nhiệm. Đáng chú ý, các ngôi chùa Đạo giáo thường phân bố ở những vị trí quân sự hiểm yếu, nơi diễn ra những nghi lễ mang màu sắc phù chú, phù thuật mỗi khi chính quyền gặp khó khăn. Thời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648 - 1687), khi cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn bước vào giai đoạn cam go, nhiều ngôi chùa Đạo giáo được dựng ở các khu vực giao tranh ác liệt. Theo Onishi Kazuhiko, việc xây dựng ngôi chùa Đạo giáo *Thiên Tôn* tại Dinh Cát nhằm mục đích trấn yểm cho vùng biên cương trọng yếu (Onishi Kazuhiko, 2014: 33-36). *Đại Nam Nhất thống chí* cho biết hầu hết các ngôi chùa Đạo giáo tập trung ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị như chùa *Kính Thiên*, *Cảnh Tiên*, *Thiên Tôn*... Khi cuộc nội chiến bước vào thời điểm quyết định, chính quyền liên tục tổ chức hoạt động cầu đảo (vào các năm 1667, 1668, 1670), nhằm huy động sức mạnh của Đạo giáo vào việc củng cố tinh thần chiến đấu của tướng sĩ để cuộc chiến nhanh chóng đi đến thắng lợi. [Trương Thúy Trinh, 2018a: 68-86].

### 2.3. Hồn dung với các yếu tố Hoa, Chăm, Khmer trong truyền thống tam giáo

Hiện tượng hồn dung Việt, Hoa, Chăm, Khmer trong truyền thống tam giáo không diễn ra đồng thời trên một địa bàn cụ thể, mà được trải dài trong quá trình Nam tiến của người Việt. Đáng chú ý, nó luôn nhận được sự hậu thuẫn từ nhiều phương diện của chính quyền chúa Nguyễn.

*Đối với yếu tố Hoa:* Trước khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, một số tài liệu cho rằng thế kỷ XV đã có các thiền sư người Việt, người Hoa ẩn tu tại một số ngôi chùa ở Đàng Trong tuy chưa có những bằng chứng thuyết phục [Lê Xuân Thông, 2018: 26-28]. Sự có mặt của Phật giáo Trung Hoa ở Đàng Trong được tính từ năm 1630 khi thiền sư Chuyết Chuyết thuộc dòng Lâm Tế đến Đàng Trong hoạt động hoằng pháp ở Đồng Nai, Bình Định, Quảng Nam, năm 1633 ra Đàng Ngoài [Nguyễn Đăng Duy, 1999: 64]. Người Hoa sớm có những hoạt động buôn bán với Đàng Trong do đó các ngôi chùa Hoa, một số tín ngưỡng phổ biến của người Hoa thờ *Thiên Phi*, *Quan Công*, *Quan Âm* xuất hiện sớm. Một số bằng chứng cho thấy chúa Nguyễn tiếp thu yếu tố các tín ngưỡng, tôn giáo Hoa trong hệ thống thờ tam giáo. Năm 1601, trong quá trình xây dựng chùa Thiên Mụ, Nguyễn Hoàng cho đặt hai ngôi đền thờ *Thiên Phi* và *Quan Công* ở tả hữu chùa [Võ Phương Lan, 2007: 20-26]. Thiên Mụ là một ngôi chùa *quan tự* vừa là trung tâm Phật giáo của toàn khu vực Đàng Trong, sự xuất hiện các yếu tố tín ngưỡng Hoa tại đây phần nào phản ánh vai trò quan trọng của nó trong hệ thống thờ tự tam giáo.

Mặt khác, để phát triển ngoại thương các chúa Nguyễn tạo điều kiện cho người Hoa định cư lâu dài trên vùng đất Đàng Trong. Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Lan (1645 - 1653) bắt đầu cho lập làng Minh Hương [Nguyễn Ngọc Thơ, 2014: 56]. Từ cuối thế kỷ XVII - đầu XVIII, nhiều nhóm người Hoa (Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch, Mạc Cửu) được chúa Nguyễn cho phép định cư ở một số khu vực ở Nam Bộ. Quá trình cộng cư, người Việt tiếp thu các tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống của người Hoa, tiêu biểu là tín ngưỡng thờ *Quan Công* thường được gọi là *chùa Ông*, tín ngưỡng thờ *Thiên*

*Phi* được Việt hóa dưới các tên gọi *chùa Bà, chùa Thiên Hậu, Thiên Hậu cung, miếu Thiên Hậu...* trải dài từ Hội An đến các vùng Nam Bộ [Nguyễn Hữu Hiếu, 2015: 200-201].

*Đối với yếu tố Chăm:* Ngay từ rất sớm, trong quá trình di dân từ Bắc vào đất Thuận Hóa, các lưu dân Việt sớm có điều kiện tiếp xúc với nền văn hóa Chăm trên khắp dải đất miền Trung. Trên cơ sở khảo cứu hệ thống thờ tam giáo khu vực Ngũ Hành Sơn, tác giả Nguyễn Duy Hình cho biết hầu hết các động trong Ngũ Hành Sơn là cơ sở thờ tự của người Chăm [Nguyễn Duy Hình, 2003: 641]. Khi người Việt đến cư trú, xuất phát từ lòng kính sợ đối với các thần linh bản địa, họ có xu hướng phối thờ tượng Chăm bên cạnh hệ thống tượng thờ tam giáo (gồm Phật giáo và Đạo giáo) theo truyền thống tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt.

Để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của các lưu dân, ngay từ thời chúa Nguyễn Phúc Lan (1635 - 1648) đã có các hoạt động phong thần đối với một số vị thần của người Chăm. Giữa thế kỷ XVII, sau khi đánh bại vua Chiêm, quá trình Việt hoá tín ngưỡng Chăm diễn ra mạnh mẽ hơn. *Po Inur Nagar* trở thành *Thiên YA Na* theo cách gọi của người Việt. Sau đó, Bà được phong thần và thờ phụng khắp nơi với các tên gọi *chúa Ngọc, chúa Tiên, Thiên Y Ngọc Diển...* Tương tự, có rất nhiều các vị thần của người Chăm gắn với tín ngưỡng thờ mẫu (*Thai Dương Phu nhân, Kỳ Thạch Phu nhân, Qua Qua Phu nhân*), tín ngưỡng đi biển (*Long Vương, Hà Bá, Cá Ông*) được phong thần và phụng thờ trên khắp các vùng đất ở Đàng Trong.

*Đối với yếu tố Khmer:* Tín ngưỡng Khmer gia nhập vào hệ thống thờ tự tam giáo của người Việt khi người Việt tiến xuống Nam bộ. Trong quá trình khai hoang lập ấp các lưu dân cần đến sự che chở của hệ thống thần linh, họ lập ra các ngôi miếu tự phát thờ thần linh người Việt cùng thần linh bản địa, phổ biến là tín ngưỡng thờ thổ thần Neak Tà của người Khmer. Theo *Đại Nam nhất thống chí* các ngôi đền xuất hiện sớm ở vùng Gia Định thường có liên quan đến thần của người Khmer, tiêu biểu như *đền Xá Hương, đền Ngũ Công*. Trong đó, *đền Ngũ Công* thờ 5 vị thần có tên theo cách gọi của người Khmer. [Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997a: 235].

Năm 1698, khi Nguyễn Hữu Cảnh kinh lý vùng Gia Định đã cất đặt đơn vị hành chính, đây là thời điểm hình thành làng và đình làng ở vùng Nam Bộ. Có những dấu hiệu về việc các chúa Nguyễn phong thần Thành hoàng ở Nam Bộ song hiện nay chưa tìm được văn bản [Hò Tường, Nguyễn Hữu Thế, 2005: 104]. Với các làng hình thành sớm, lưu dân thường lấy mỹ tự từ làng cũ để đặt cho thần Thành hoàng mới. Các làng được thành lập sau (kể từ 1698) dấu hiệu của việc *phong thần đồng loạt* rất rõ, thần không có thần tích lai lịch cụ thể, tên gọi *Thần Bổn cảnh* thực chất là *danh từ chung* tượng trưng cho quyền lực trung ương đặt ở các địa phương [Tạ Chí Đại Trường, 2006]. Trên tinh thần dung hợp tôn giáo, phần lớn các ngôi đình Nam Bộ đều có *miếu nhỏ* (thờ các vị thần *tiền chủ*, thường là thổ thần của người Khmer) được bố trí ở một góc đình. Do đó, cấu trúc phổ biến của các ngôi đình Nam Bộ thường là *trước miếu sau đình* [Nguyễn Hữu Hiếu, Lê Thành Thuận, 2020: 21].

Đáng chú ý, hiện tượng *dung hợp tôn giáo* cũng được thể hiện rõ nét trong tín ngưỡng thờ mẫu ở Nam Bộ. Quá trình người Việt *Nam tiến* diễn ra theo hai chặng từ *Bắc vào Trung*, từ *Trung vào Nam*. Tại Trung bộ, các lớp lưu dân đầu tiên sau khi dung nạp tín ngưỡng, tôn giáo của người Hoa, người Chăm họ tiếp tục di chuyển xuống phương Nam, quá trình tiếp thu tín ngưỡng, tôn giáo của người Khmer tiếp tục diễn ra với *Bà Đen* (Néang Khmau), *Bà Trắng* (Néang Mésar), *nữ thần Đất* và một số tín ngưỡng dân gian của người Mạ, Châu Ro, Xtiêng... Trong đó, tín ngưỡng thờ mẫu ở Nam Bộ là sự kết hợp của nhiều lớp văn hóa gồm tín ngưỡng thờ mẫu của người Việt với tín ngưỡng thờ mẫu của người Hoa, người Chăm và người Khmer. Càng tiến sâu về phương Nam, hệ thống đền, miếu thờ mẫu càng trở nên phong phú và dày đặc [Nguyễn Hữu Hiếu, 2015: 75]. Đặc biệt, các hình thức tín ngưỡng này luôn nhận được sự hậu thuẫn từ phía chính quyền thông qua các hoạt động xây dựng đình, đền, miếu và phong thần.

### **3. Một số nhận xét, đánh giá về chính sách của nhà Nguyễn đối với tam giáo**

#### **3.1. Quá trình hình thành chủ trương, chính sách đối với tam giáo**

*Duy trì truyền thống tam giáo trên cơ sở dung hòa tôn giáo là những nội dung xuyên suốt trong chính sách của chính quyền chúa Nguyễn đối với tam giáo. Chính sách này được tiến hành khá sớm dưới thời Nguyễn Hoàng. Tuy nhiên, xét ở góc độ văn bản, phải đến thời Nguyễn Phúc Chu, các tư tưởng, chủ trương, chính sách đề cao tam giáo mới được định hình rõ nét qua hệ thống văn bia, minh chuông, hoành phi, đối liên và các loại hình văn khắc khác.*

Tình trạng thiếu nguồn tài liệu (văn bản) là khó khăn chung đối với các nghiên cứu về Đàng Trong giai đoạn chúa Nguyễn. Trong hơn 200 năm nắm quyền, các chúa Nguyễn liên tục phải đối phó với các cuộc tấn công từ bên ngoài cùng các lực lượng chống đối từ bên trong, gồm: *Trịnh, Mạc, Xiêm, Khmer, Chăm, người Hoa (Minh Hương)*. Trong điều kiện chiến tranh liên miên, hoạt động biên soạn, lưu trữ tài liệu gặp rất nhiều khó khăn. Hơn nữa, chính quyền hầu như không có điều kiện cho việc sáng tác, biên soạn tác phẩm lớn. Do đó, ngoài việc khai thác nguồn tư liệu, tài liệu lịch sử, hệ thống hoá các quan điểm, chủ trương của chính quyền chúa Nguyễn thông qua các sự kiện lịch sử, bài viết này mới dừng ở việc cung cấp những nét khái lược về chủ trương, chính sách của chính quyền chúa Nguyễn đối với tam giáo. Cần tiếp tục bổ sung các nguồn tư liệu, tài liệu trong thời gian tới.

### ***3.2. Tâm thức hỗn dung là cơ sở cho việc “thu dung”, các yếu tố mới trong chính sách đối với tam giáo***

*Tâm thức hỗn dung là nhân tố quan trọng trong quá trình hình thành chính sách tam giáo ở Đàng Trong. Thứ nhất, nó là cơ sở để chính quyền và người dân dễ dàng tiếp thu các yếu tố mới trong thờ tự và thực hành tam giáo. Càng tiến sâu về phương Nam hệ thống thờ tự tam giáo của người Việt ngày càng trở nên phong phú với sự kết hợp của các yếu tố Việt - Hoa - Chăm, Việt - Hoa - Khmer. Thứ hai, trong quá trình Nam tiến, liên tục thay đổi môi trường sống, người dân cần đến sự che chở của các thần linh. Đáng chú ý, nhu cầu này luôn nhận được sự hậu thuẫn từ phía chính quyền. Trên tinh thần *dân đi trước nhà nước đi sau*, hầu hết các ngôi chùa, đền, miếu do dân lập ra về sau được chính quyền cho tu bổ, xây dựng, ban thờ, đồng thời sắc phong cho tất cả thần linh bao gồm thần của người Việt, người Hoa, người Chăm và người Khmer.*

### **3.3. Lựa chọn có chọn lọc đối với một số truyền thống Nho giáo**

Xuất thân từ nền văn hóa có truyền thống Nho giáo ở Đàng Ngoài, để thích nghi môi trường chính trị - văn hóa - xã hội ở Đàng Trong, thay vì đề cao Nho giáo, các chúa Nguyễn đã lựa chọn Phật giáo làm bệ đỡ tư tưởng. Tuy nhiên, một số truyền thống của Nho giáo có lợi cho chính quyền vẫn được các chúa Nguyễn duy trì, tiêu biểu là truyền thống phong thần.

Phong thần là truyền thống quen thuộc của người Việt ngay từ thời Lý, nó là cách chính quyền phong kiến khẳng định quyền lực nhà nước đối với một địa danh hoặc một vùng đất (Keith W. Taylor, Nguyen Hoang, 1993: 42-65). Hoạt động phong thần cho tất cả thần linh (*Việt, Hoa, Chăm, Khmer*) cho thấy tham vọng của chính quyền chúa Nguyễn trong việc thu tóm thế giới thần linh phong phú trên vùng đất Đàng Trong, đồng thời nó góp phần khẳng định vị trí tối cao của chính quyền chúa Nguyễn trong quá trình thiết lập quyền lực trên vùng đất mới Đàng Trong.

### **3.4. Phật giáo được đề cao và chiếm ưu thế trong chính sách đối với tam giáo**

Trong chính sách đối với tam giáo, chính quyền chúa Nguyễn đặc biệt ưu tiên phát triển Phật giáo. Trước những *bất cập* của hệ tư tưởng Nho giáo (trong bối cảnh chính trị - xã hội ở Đàng Trong), Phật giáo trở thành giải pháp trong vai trò bệ đỡ chính trị cho chính quyền Đàng Trong. Phật giáo có nhiều điểm tương đồng về truyền thống văn hóa của các cư dân bản địa (*Chăm, Khmer*), giúp chính quyền chúa Nguyễn dễ dàng thích nghi với môi trường xã hội Đàng Trong. Ngoài ra, Phật giáo là tôn giáo quen thuộc gần gũi với người Việt, đề cao Phật giáo thực chất là một sự tiếp nối truyền thống, nó góp phần hạn chế những đứt gãy văn hóa trong quá trình di dân.

Đáng chú ý, một số ý kiến cho rằng, chính sách phát triển Phật giáo là một sự lựa chọn có chủ đích để chính quyền chúa Nguyễn tạo ra *bản sắc riêng* nhằm khẳng định sự độc lập của nó đối với Đàng Ngoài (Li Tana, 1998; Tạ Chí Đại Trường, 2006). Đáng chú ý, khảo cứu *Văn bản học* đối với hệ thống văn khắc Phật giáo thời kỳ này cho thấy, bên cạnh việc *đề cao tam giáo*, tư tưởng *tôn xưng Phật giáo* được đặc biệt

chú ý. Trong đó, chính quyền thường sử dụng cách nói ẩn dụ, *phiếm chỉ Đàng Trong là vùng đất phát tích Phật giáo* gắn với sự hưng thịnh của họ Nguyễn với các cụm từ như: *Cảnh Bụt Trời Nam, Tuệ chiếu Nam Thiên, v.v...*

### **Tạm kết**

Đề duy trì và củng cố quyền lực trên vùng đất mới, chính quyền chúa Nguyễn đã có những ứng xử khá mềm mại, uyển chuyển đối với truyền thống tam giáo ở Đàng Trong. Một mặt, tiếp tục duy trì một số truyền thống trong hình thức thờ cúng và thực hành tam giáo để đáp ứng nhu cầu tái cổ kết cộng đồng của lưu dân Việt trên vùng đất mới. Mặt khác, chính quyền chủ động tiếp thu những yếu tố mới, thừa nhận về mặt quyền lực nhà nước đối với các yếu tố tín ngưỡng bản địa như một phần của truyền thống tam giáo. Việc làm này giúp chính quyền chúa Nguyễn sớm thích nghi với môi trường xã hội ở Đàng Trong, góp phần khẳng định vai trò thống trị của chính quyền chúa Nguyễn cả *thần quyền lẫn thế quyền* trong thực hành tam giáo nói riêng, đời sống tôn giáo nói chung trên vùng đất mới Đàng Trong.

---

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

#### **Tiếng Việt**

1. Nguyễn Khoa Chiêm (2016), Nguyễn Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga (dịch), *Nam triều công nghiệp diên chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Đăng Duy (1999), *Phật giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
3. Nguyễn Hữu Hiếu (2015), *Tục thờ thần qua am miếu Nam Bộ*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Hữu Hiếu, Lê Thành Thuận (2020), *Đình làng Nam bộ và Tục thờ thần nông nhìn từ Đồng Tháp*, Nxb. Hội nhà Văn, Vĩnh Long.
5. Nguyễn Duy Hình (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Võ Phương Lan (2007), “Việc thờ cúng bách thần thời chúa Nguyễn”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 9.
7. Léopold Cadière (2010), *Văn hóa, Tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, Tập I, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
8. Trần Nghĩa (2010), “Quá trình hội nhập Nho - Phật - Đạo hay sự hình thành tư tưởng “Tam giáo đồng nguyên” ở Việt Nam”, Tạp chí *Triết học*, Số 1 (224).

9. Onishi Kazuhiko (2014), “Đạo giáo thời chúa Nguyễn qua nghiên cứu chùa Thiên Tôn”, Tạp chí *Xưa & Nay*, Số 448.
10. Võ Vinh Quang (2019), “Dấu ấn các ngôi cổ tự tiêu biểu ở Quảng Bình qua các thư tịch cổ và văn bia hiện tồn”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phật giáo Quảng Bình xưa và nay*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Quảng Bình.
11. Quốc sử Quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục (Tiền biên)*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
12. Quốc sử quán triều Nguyễn (1997-a), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
13. Quốc sử quán triều Nguyễn (1997-b), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
14. Nguyễn Hữu Thông, Lê Thọ Quốc (2019), “Bảo vật hiện còn của cổ tự Hoàng Phúc”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phật giáo Quảng Bình xưa và nay*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Quảng Bình.
15. Lê Xuân Thông (2018), *Phật giáo Quảng Nam thế kỷ XVII – XIX*, Trường ĐH Huế, Huế.
16. Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần và người đất Việt*, Nxb. Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
17. Nguyễn Ngọc Thơ (2018), *Người Hoa, người Minh Hương với văn hóa Hội An*, Nxb. Văn hóa – Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
18. Trương Thúy Trinh (2018-a), “Những biểu hiện của tâm thức hỗn dung tôn giáo qua nghiên cứu hoạt động cầu đảo của các chúa Nguyễn (1558-1777)”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 9 (177).
19. Trương Thúy Trinh (2018-b), “Chính quyền chúa Nguyễn với Phật giáo ở Đàng Trong (Giai đoạn 1558-1777)”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 11 (179).
20. Trương Thúy Trinh (2022), “Yếu tố Đạo giáo trong hệ thống cơ sở thờ tự tam giáo ở Đàng Trong”, *Nghiên cứu Lịch sử*, Số 3 (539).
21. Hồ Tường, Nguyễn Hữu Thế (2005), *Đình ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
22. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (1998), *Tháp cổ Champa: Sự thật và huyền thoại*, Nxb. Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
23. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2011), “Chúa – Bồ tát Nguyễn Phúc Chu (1675 – 1725) và sự nghiệp mở cõi phát triển đất nước”.
24. Lê Bá Vương (2020), *Chính sách tôn giáo của chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong (Thế kỷ XVII – XVIII)*, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Tiếng Anh**

25. Li Tana, “An Alternative Vietnam? The Nguyen Kingdom in the Seventeenth and Eighteenth Centuries”, *Journal of Southeast Asian Studies* 29, 1 (March 1998).
26. Keith W. Taylor, Nguyen Hoang, “The Beginning of Vietnam’s Southward Expansion”, *Southeast Asia in the early modern era*, edited by Anthony Reid (Ithaca: Cornell University Press, 1993).

**Abstract**

**POLICY OF NGUYEN LORD'S GOVERNMENT  
TOWARDS THE THREE RELIGIONS IN COCHINCHINA  
(1558 - 1777)**

**Truong Thuy Trinh**

*Institute for Religious Studies, VASS*

The Three Religions have played an important role in the belief and religious life of the Vietnamese people, however, this tradition had differences when it followed the Vietnamese migrants to the land of Cochinchina. Stemming from the need to consolidate power, and adapt to the socio-political, cultural-religious conditions in Cochinchina, along with maintaining the tradition of harmonizing the Three Religions, Nguyen Lord's government had some adjustments in policy towards the Three Religions. On the basis of systematizing some features of the Nguyen Lord's policy towards the Three Religions, the article offers some initial assessments of the characteristics of the Nguyen Lord's government policy towards the Three Religions in Cochinchina during the period from 1558 to 1777. It contributes to clarifying some aspects of the Three Religions' daily life of the Vietnamese community during the progress to the South in the 16th - 18th centuries.

**Keywords:** Policy; Three Religions; NguyenLord; Cochinchina; XVI - XVIII centuries.